

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 02 - 2025
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 256/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Quách Văn K, sinh năm: 1969 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Huỳnh Q; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Đặng Huỳnh Q, số A, Nguyễn Công T, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ Đ, sinh năm: 1971 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ; địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Anh Quách Văn K (là nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 19/4/1991, không đăng ký kết hôn. Qua thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, anh Quách Văn K xin ly hôn chị Lê Thị Mỹ Đ và được chị Lê Thị Mỹ Đ chấp nhận. Con chung có 03 người là Quách Công D, Quách Quốc D1 và Quách Kim T1. Tất cả 03 người con đều đủ tuổi thành niên và có cuộc sống riêng nên các bên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản, anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ thống nhất xác định tài sản chung gồm có một căn nhà cơ bản có giá trị 283.604.540 đồng; một công xỏ vuông có giá trị 19.441.536 đồng. Tài sản chung anh Quách Văn K, chị Lê Thị Mỹ Đ thống nhất chia đôi, chị Lê Thị Mỹ Đ nhận giá trị tài sản. Còn lại các vật dụng trong gia đình do các bên tự phân chia. Đối với tài sản là phần đất có diện tích 19.570m² tại ấp B, xã Q, huyện Đ do anh Quách Văn K đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 493784 cấp ngày 18/4/2014, theo đo đạc thực tế phần đất có diện tích 19.289,4m² và có giá trị là 1.388.836.800 đồng. Phần đất này do anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ quản lý sử dụng từ năm 1992 cho đến nay, quá trình sử dụng đất đã được anh Quách Văn K, chị Lê Thị Mỹ Đ cùng nhau quản lý, cải tạo, bồi đắp mặt bằng, xây cất nhà ở và các công trình trên đất. Phần đất này theo anh Quách Văn K xác định là tài sản riêng của anh, do anh ruột là Quách Văn C tặng cho riêng anh vào năm 2014 nên không đồng ý chia cho chị Lê Thị Mỹ Đ. Còn Chị Lê Thị Mỹ Đ xác định là đất do cha, mẹ chồng cho chung chị và anh Quách Văn K từ năm 1992, vợ chồng chị đã cùng nhau quản lý, bồi đắp, xây cất nhà ở và phần đất này là tài sản chung của chị và anh Quách Văn K nên chị yêu cầu được chia ½ giá trị đất. Nếu anh Quách Văn K không đồng ý chia đất thì chị yêu cầu được chia công sức lao động bằng 40% giá trị đất.

Nợ Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ số tiền 90.000.000 đồng vốn vay, anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ thống nhất xác định là nợ chung và đồng ý chia đôi.

Ngân hàng N chi nhánh Đ xác định anh Quách Văn K có vay của Ngân hàng số tiền vốn vay 90.000.000 đồng nhưng Ngân hàng chưa có yêu cầu khởi kiện và từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 256/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định:

- Không công nhận quan hệ giữa anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ là vợ chồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Mỹ Đ về việc phân chia phần đất 19.289,4m² cho chị Lê Thị Mỹ Đ được hưởng ½ giá trị.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Mỹ Đ về việc phân chia công sức đóng góp của chị Lê Thị Mỹ Đ đối với diện tích đất 19.420m² (theo đo đạc thực tế là 19.289,4m²). Phân chia cho chị Lê Thị Mỹ Đ được hưởng công sức đóng góp là 40% giá trị đất tương ứng số tiền là 555.534.720 đồng.

- Ghi nhận sự thoả thuận phân chia tài sản chung giữa anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ về việc anh Quách Văn K phân chia ½ giá trị căn nhà và công xỏ cất trên phần đất 19.289,4m² cho chị Lê Thị Mỹ Đ tương ứng số tiền là 151.523.038 đồng.

- Giao cho anh Quách Văn K được hưởng diện tích đất 19.420m² (theo đo đạc thực tế là 19.289,4m²) thuộc thửa 36, 43 tờ bản đồ số 5 do anh Quách Văn K đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và tài sản trên đất là một căn nhà vách tường và thiết, lợp tol tiploxi măng, khung sườn cây gỗ địa phương, nền lót gạch, 01 công xỏ.

- Chi phí thẩm định và định giá tài sản là 27.792.000 đồng, chị Lê Thị Mỹ Đ phải chịu 11.617.056 đồng, anh Quách Văn K phải chịu 16.174.944 đồng. Chị Lê Thị Mỹ Đ đã nộp và đối chiếu thanh toán xong, buộc anh Quách Văn K phải hoàn trả số tiền 16.174.944 đồng cho chị Lê Thị Mỹ Đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Quách Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 41.544.753 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp. Chị Lê Thị Mỹ Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.282.310 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.830.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/10/2024, anh Quách Văn K kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận chia công sức đóng góp cho chị Lê Thị Mỹ Đ 40% giá trị đất; xem xét lại giá trị nhà và công vuông do giá trị sử dụng còn lại không cao; phần đất là tài sản riêng của anh nhưng buộc anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Quách Văn K xin rút lại một phần nội dung kháng cáo về việc yêu cầu xem xét lại giá trị nhà và công xỏ vuông. Các nội dung kháng cáo còn lại giữ nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh C đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của anh Quách Văn K về việc xem xét lại giá trị nhà và công xỏ vuông và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Quách Văn K. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ

thẩm số: 256/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo hướng chấp nhận chia công sức đóng góp cho chị Lê Thị Mỹ Đ bằng 30% tương ứng với giá trị phần đất 19.289,4m² do anh Quách Văn K đứng tên quyền sử dụng; điều chỉnh lại phần án phí đối với các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Quách Văn K được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Quách Văn K xin rút lại một phần nội dung kháng cáo về việc yêu cầu xem xét lại giá trị nhà và công xỏ vuông. Việc rút lại một phần nội dung kháng cáo của anh Quách Văn K là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Quách Văn K về việc xem xét lại giá trị nhà và công xỏ vuông.

[3] Đối với quan hệ hôn nhân và con chung, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ tự nguyện kết hôn với nhau từ ngày 19/4/1991, nhưng do sự thiếu hiểu biết và đi lại khó khăn nên anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ đó, không công nhận anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ là vợ chồng. Đối với con chung đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống riêng nên không đặt ra xem xét. Về hôn nhân và con chung, anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ không kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của anh Quách Văn K cho thấy:

- Đối với kháng cáo về việc không đồng ý phân chia công sức đóng góp cho chị Lê Thị Mỹ Đ vì anh Quách Văn K cho rằng phần đất là do ông, bà, cha, mẹ và anh Quách Văn C cho lại riêng anh, việc đầu tư cải tạo đất được sử dụng từ nguồn thu nhập từ làm ruộng nên việc chia công sức đóng góp bằng 40% giá trị đất là không phù hợp. Qua xác định của cấp sơ thẩm cho thấy, phần đất 19.570m² (theo đo đạc thực tế là 19.289,4m²) anh Quách Văn K được cha mẹ là ông Quách Thanh L và bà Phạm Thị R cho từ năm 1992 nhưng phần đất đang do anh Quách Văn C đứng tên quyền sử dụng. Năm 2001, ông Quách Thanh L, bà Phạm Thị R kêu anh Quách Văn C cắt đất ra khỏi quyền sử dụng cho anh Quách Văn K, nhưng quyền sử dụng đất đang do anh Quách Văn C thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền nên đến năm 2014 mới lập thủ tục tách chuyển quyền sử dụng đất cho anh Quách Văn K với hình thức tặng cho. Tuy về quan hệ hôn nhân do không đăng ký kết hôn theo luật định nên anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ không được công nhận là vợ chồng, nhưng anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ đã cùng nhau quản lý, sử dụng phần đất từ năm 1992 phục vụ cho cuộc sống chung gia đình, tạo ra thu nhập, nuôi con trong thời gian dài, duy trì đời sống chung của gia đình. Cùng nhau cải tạo đất, bồi đắp để lập vườn, xây cất nhà ở và các công trình khác góp phần tạo ra tài sản chung, gìn giữ, bảo quản và làm tăng giá trị đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất 19.289,4m² là tài sản riêng của anh Quách Văn K nên không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ Đ trong việc chia ½ diện tích đất mà chỉ chấp

nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ Đ về việc phân chia công sức đóng góp tương đương 40% giá trị phần đất 19.289,4m², việc chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ Đ về việc chia công sức đóng góp là phù hợp. Tuy nhiên, việc chấp nhận chia công sức đóng góp tương đương 40% giá trị phần đất 19.289,4m² là cao vừa không phù hợp với yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Mỹ Đ. Tại đơn yêu cầu phản tố lập ngày 27/5/2024, đơn yêu cầu bổ sung lập ngày 26/8/2024 và ý kiến được nêu tại Tờ tường trình lập ngày 23/9/2024 thì chị Lê Thị Mỹ Đ đều xác định yêu cầu là được chia ½ đối với tất cả các loại tài sản và cũng chỉ yêu cầu được chia công sức đóng góp tương đương 30% giá trị đối với phần đất 19.289,4m² nếu như không được chấp nhận yêu cầu chia đất, nội dung yêu cầu trên được chị Lê Thị Mỹ Đ thừa nhận. Việc thay đổi mức chia công sức đóng góp từ 30% lên 40% là được chị đặt ra tại phiên tòa sơ thẩm là để nhằm chia lại phần cho các con chung. Từ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận chia công sức đóng góp cho chị Lê Thị Mỹ Đ tương đương bằng 40% giá trị phần đất 19.289,4m² là không phù hợp mà nghĩ nên chấp nhận theo yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Mỹ Đ với mức tương ứng 30% giá trị phần đất 19.289,4m² bằng 416.651.040 đồng là có căn cứ và cũng phù hợp với thực tế thời gian đóng góp công sức lao động của chị Lê Thị Mỹ Đ. Anh Quách Văn K kháng cáo không đồng ý chia công sức đóng góp cho chị Lê Thị Mỹ Đ là không phù hợp, không đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho chị Lê Thị Mỹ Đ nên không được chấp nhận.

- Đối với kháng cáo về việc không đồng ý chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch bằng 41.544.753 đồng. Qua kết quả xét xử sơ thẩm cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ Đ về việc chia đôi tài sản chung là phần đất 19.289,4m² mà chỉ chấp nhận chia công sức đóng góp cho chị Lê Thị Mỹ Đ, phần công sức đóng góp tương đương 40% giá trị của phần đất 19.289,4m², giá trị này buộc anh Quách Văn K trích từ giá trị tài sản để giao lại cho chị Lê Thị Mỹ Đ nên buộc chị Lê Thị Mỹ Đ chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được hưởng là phù hợp. Riêng đối với anh Quách Văn K phải chịu án phí đối với tài sản chung được phân chia là nhà và công vuông, còn đối với phần đất 19.289,4m² được xác định là tài sản của anh Quách Văn K, không thuộc trường hợp phân chia tài sản chung và không phân chia cho chị Lê Thị Mỹ Đ nên anh Quách Văn K không phải chịu án phí. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Quách Văn K phải chịu án phí đối với giá trị phần đất còn lại là không phù hợp. Ngoài ra, do sửa án sơ thẩm nên cần điều chỉnh về án phí mà anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ phải chịu.

[5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh Quách Văn K, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 256/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Anh Quách Văn K không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Quách Văn K về việc xem xét lại giá trị tài sản chung là nhà và công xổ vuông.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Quách Văn K. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 256/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào các Điều 28, 45, 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 16 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 212, 219 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án.

- Không công nhận anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ là vợ chồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Mỹ Đ về việc chia $\frac{1}{2}$ tài sản là phần đất 19.289,4m² do anh Quách Văn K đứng tên quyền sử dụng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Mỹ Đ về việc chia công sức đóng góp. Buộc anh Quách Văn K trích một phần giá trị tài sản tương đương 30% đối với giá trị của phần đất 19.420m² (*theo đo đạc thực tế là 19.289,4m²*) bằng số tiền 416.651.040 đồng (*Bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm năm mươi một ngàn không trăm bốn mươi đồng*) để giao lại cho chị Lê Thị Mỹ Đ nhằm bù đắp công sức đóng góp trong việc cải tạo, gìn giữ, duy trì và làm tăng giá trị tài sản.

- Ghi nhận sự thoả thuận phân chia tài sản chung giữa anh Quách Văn K và chị Lê Thị Mỹ Đ. Anh Quách Văn K được chia ngôi nhà và công xổ vuông xây dựng trên phần đất 19.289,4m². Anh Quách Văn K giao lại cho chị Lê Thị Mỹ Đ $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng 151.523.038 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn không trăm ba mươi tám đồng*).

Anh Quách Văn K được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất 19.570m² (*theo đo đạc thực tế là 19.289,4m²*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 493784 cấp ngày 18/4/2014 cùng với tài sản có trên đất là nhà, công xổ vuông.

- Chi phí thẩm định và định giá tài sản tổng cộng là 27.792.000 đồng, chị Lê Thị Mỹ Đ phải chịu 11.617.056 đồng, Anh Quách Văn K phải chịu 16.174.944 đồng. Chị Lê Thị Mỹ Đ đã nộp và đối chiếu thanh toán xong, buộc anh Quách Văn K chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Lê Thị Mỹ Đ số tiền 16.174.944 đồng.

Kể từ ngày chị Lê Thị Mỹ Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh Quách Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Anh Quách Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 7.576.152 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã dự nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001581 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Chị Lê Thị Mỹ Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.726.963 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã dự nộp là 5.830.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001649 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị Lê Thị Mỹ Đ còn phải nộp tiếp số tiền là 20.896.963 đồng.

3. Anh Quách Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001895 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi Cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thế Phương